



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)  
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN THỊ LÝ KHA – LÊ HỮU TÍNH

# Tiếng Việt

1

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)  
HOÀNG HOÀ BÌNH - NGUYỄN THỊ LY KHA - LÊ HỮU TÍNH

# Tiếng Việt

*(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo  
phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông  
tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019)*

1

TẬP MỘT

## HỌC VẦN

*(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý)*



**NHÀ XUẤT BẢN**  
**ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**



Chào các em yêu quý!

Cuốn sách Tiếng Việt 1 này là bạn của các em, sẽ cùng em đến lớp hàng ngày.

Sách giúp em học đọc, học viết và học nghe, nói tiếng Việt. Các câu chuyện, bài thơ, bài văn cùng những tranh ảnh sinh động trong sách còn giúp em làm quen với nhiều bạn nhỏ dễ thương và các nhân vật thân thiện như ông lão nhân hậu, con ong chăm chỉ, con thỏ thông minh,... Qua đó, các em sẽ học được nhiều điều bổ ích.

Mong các em chăm học, chăm làm theo hướng dẫn của sách, của thầy cô và người thân để đọc, viết, nghe, nói tiếng Việt ngày càng tốt hơn và biết thêm nhiều điều hay, làm được nhiều việc tốt.

Các em nhớ giữ sách sạch đẹp và dùng viết, vẽ vào sách nhé!

Các tác giả

#### KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



CÂU HỎI, BÀI TẬP



MẪU VÀ VÍ DỤ



KỂ CHUYỆN

a  
a



ă  
ă



â  
â



b  
b



c  
c



d  
d



đ  
đ



e  
e



ê  
ê



g  
g



h  
h



i  
i



k  
k



l  
l



m  
m



n  
n



o  
o



ô  
ô



ơ  
ơ



p  
p



q  
q



r  
r



s  
s



t  
t



u  
u



ư  
ư



v  
v



x  
x



y  
y





Em viết



Em đọc



Đồ dùng học tập



Em làm việc nhóm



Em nói



Em học ở nhà



Đồ dùng học tập



Em trải nghiệm



# Bài 1

# a

# c

## 1. Làm quen



ca

## 2. Đánh vần

ca

c

a

cờ - a - ca

## 3. Nói to tiếng có âm **a**. Nói thầm tiếng không có âm **a**.



a



a

c

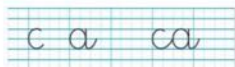
4. Tìm tiếng có âm c



5. Tìm chữ a, chữ c



6. Tập viết



A C



## Bài 2

# cà cá

### 1. Làm quen



cà



cá

### 2. Đánh vần

cà

c

à

cờ - a - ca - huyền - cà

cá

c

á

cờ - a - ca - sắc - cá

### 3. Đồ em: Tiếng nào có thanh huyền?



1



6



2



3



5



4

4. Tiếng nào có thanh **sắc**?



5. Tìm hình ứng với mỗi tiếng

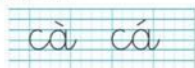
cà

cá

ca



6. Tập viết





1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi



Hai con dê muốn làm gì?



Trên cầu, hai con dê thế nào?



Đến giữa cầu, hai con dê làm gì?



Kết quả ra sao?



# Chúng em là học sinh lớp Một

Nhạc và lời: PHAM TUYẾN

*Hơi nhanh - Tự hào*

Chúng em là học sinh lớp Một. Nhanh nhanh  
(Chúng em) là học sinh lớp Một. Tay không  
trên đường bước tung tăng. Vui tươi như con chim hót trên  
dây mực, sách không quên. Vui chơi nhưng luôn luôn biết nghe  
cảnh. Biết vâng lời học hành rất chăm. Mẹ cũng  
lời. Viết chữ đẹp vở sạch trắng tinh. Cả lớp  
yêu mà cô cũng yêu. Chúng em là học sinh lớp  
em đều thương mến nhau. Chúng em là học sinh lớp  
Một. Ở trường luôn điểm tốt, sang năm  
Một. Học hành luôn cùng tiến, sang năm  
được lên lớp Hai! Chúng em  
cùng lên lớp Hai! ...Hai!



## Bài 4

o

ô

### 1. Làm quen

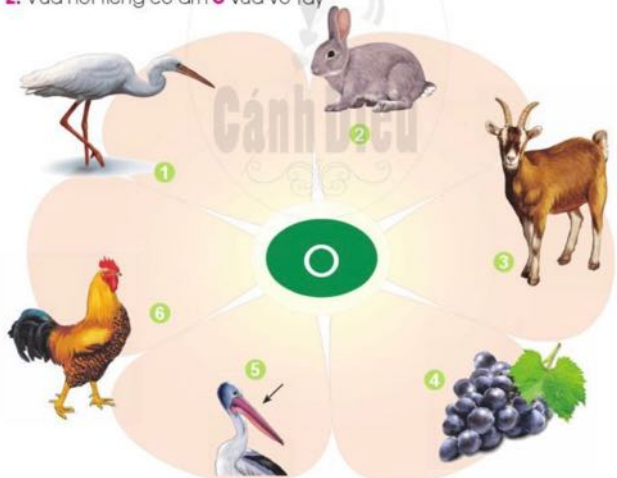


(kéo) **co**



**cô**

### 2. Vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay



o

ô

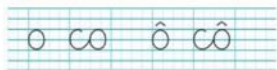
3. Tìm tiếng có âm ô



4. Tìm chữ o, chữ ô



5. Tập viết





## Bài 5

# CỎ

# CỌ

### 1. Làm quen



cỏ



cọ

### 2. Đồ em: Tiếng nào có thanh hỏi?



3. Tìm tiếng có thanh **nặng**



4. Tập đọc



ồ... ó... ô...



cò

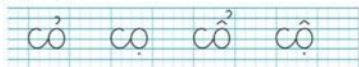


ô



cổ

5. Tập viết





## Bài 6

ơ

d

### 1. Làm quen



cờ



da

### 2. Tiếng nào có âm ơ?



6



1



2



5



4



3



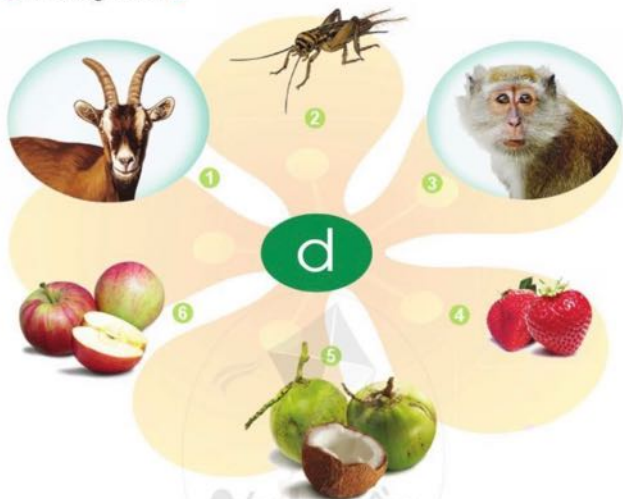
o

ô

ơ

d

3. Tìm tiếng có âm **d**



4. Tập đọc



cờ



cá cờ



da cá



cổ cờ

5. Tập viết



Ơ D



## Bài 7

# đ

# e

### 1. Làm quen



de

### 2. Tiếng nào có âm đ?



đ



o ô ơ d đ e

3. Tiếng nào có âm e?



4. Tập đọc



đa



đò



đố



đổ



dẻ

5. Tập viết



Đ

E



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1



Vì sao chồn con không tới trường?

2



Vì sao các bạn không đi chơi với chồn con?

3



Chồn con bị lạc trong rừng, vì sao?

4



Vì sao chồn con không tìm được đường về?

5



Ai đã đưa chồn con về nhà?

6



Sau chuyện đó, chồn con thay đổi thế nào?



## Bài 9

## Ôn tập

1. a) Ghép các âm đã học thành tiếng

|   |    |   |   |   |   |
|---|----|---|---|---|---|
|   | a  | o | ô | ơ | e |
| c | ca |   |   |   |   |
| d |    |   |   |   |   |
| đ |    |   |   |   |   |

- b) Thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng trên để tạo tiếng mới

**(M)** ca → cà, cá

### 2. Tập đọc

1



cà đỏ

2



cố đô

3



đồng cổ

4



đa

### 3. Tìm từ ứng với hình

dẻ

đá

cọ

cờ



1



2



3



4

o   ô   ơ   d   đ   e



## Bài 10

ê

l

### 1. Làm quen



lê

### 2. Tiếng nào có âm ê? Tiếng nào có âm l?



1



2



3



4



5



6

ê

l

3. Tập đọc



la



lá



lồ ô



le le



dế



dê



đê



lọ



lê la

4. Tập viết



Ê L



## Bài 11

# b

# bê

### 1. Làm quen



bê



bê

### 2. Tiếng nào có âm b?



b

ê

l

b

3. Tiếng nào có thanh **ngã**?



4. Tập đọc

Ở bờ đê



Đê la cà ở bờ đê.

Bờ đê có dế.



Bờ đê có cả bê.

5. Tập viết





## Bài 12

# g

# h

### 1. Làm quen



ga



hồ

### 2. Tiếng nào có âm g? Tiếng nào có âm h?



1



2



3



4



5



6

g

h

ê l b g h

3. Tập đọc

Bé Hà, bé Lê



– Bé Lê ho, bà ạ.



Bà bế bé Lê.



– A, ba!



Ba bế cả Hà, cả bé Lê.

4. Tập viết



G

H



# Bài 13

i

ia

## 1. Làm quen



bi



bia

## 2. Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm ia?



1



2



3

i

ia



4



5



6

ê l b g h i ia

3. Tập đọc

# Bé Bi, bé Li

1



Bé Li bí bô:

– Bi, Bi.

2



– Bé ạ đi.

3



Bé ạ lia lia, bé bị ho.

4



Bi dỗ bé.

4. Tập viết





LÊ THỊ QUẾ

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?



Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?



Vì sao hai anh em gà cãi nhau?



Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?



Chuột xuất hiện và nói điều gì?



Vì sao hai anh em gà ăn hận, xấu hổ?



# Bài 15

# Ôn tập

## 1. Ghép các âm đã học thành tiếng

|   | a  | o | ô | ơ | e | ê | i | ia |
|---|----|---|---|---|---|---|---|----|
| l | la |   |   |   |   |   |   |    |
| b |    |   |   |   |   |   |   |    |
| h |    |   |   |   |   |   |   |    |
| g |    |   |   |   |   |   |   |    |

## 2. Tập đọc

### Bể cá

Ba Hà để bể cá ở hè.  
 Bể có cá, có cò, le le.  
 Cò ở bể là cò đá. Le le là  
 le le gỗ.



## 3. Tìm từ ứng với hình

bí

lê

hổ

gà

đĩa



ê l b g h i ia



1. Làm quen

ghế gỗ



2. Tiếng nào có chữ **g**? Tiếng nào có chữ **gh**?



gà gô



ghi



gõ



gỗ



ghẹ



ghõ cá

gh

### 3. Ghi nhớ



### 4. Tập đọc



### 5. Tập viết

gh      ghế gỗ      6      7



# Bài 17

# gi

# k

## 1. Làm quen



giá đỗ



kì đà

## 2. Tiếng nào có chữ gi? Tiếng nào có chữ k?

1



kể

2



giẻ

3



kẻ

4



giò

5



bờ kè

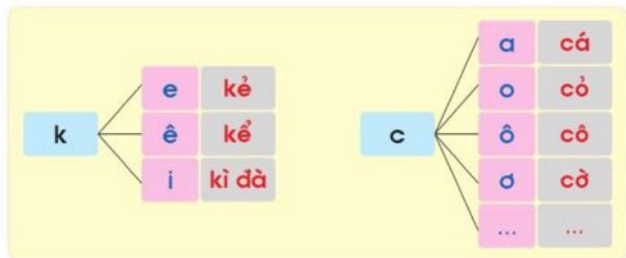
6



giỏ cá

gh gi k

### 3. Ghi nhớ



### 4. Tập đọc

#### Bé kể

Bà bế bé Lê. Bé bí bô: “Dì... giò...”. Đó là bé kể: Dì Kế già giò.

Cổ có giò, có gà, có cả giá đỗ.



### 5. Tập viết

gi già đồ k kì đà

K



# Bài 18

# kh

# m

## 1. Làm quen



khế



me

## 2. Tiếng nào có âm kh? Tiếng nào có âm m?

1



mẹ

2



mỏ

3



khe đá

4



cá kho

5



cá mè

6



khỉ

gh

gi

k

kh

m

## Đố bé



4. Tập viết

kh khế m me



# Bài 19

# n nh

## 1. Làm quen



nơ



nhô

## 2. Tiếng nào có âm n? Tiếng nào có âm nh?



na



nhà



nhổ cỏ



nhị



ca nô



nỏ

gh gi k kh m n nh

### 3. Tập đọc

## Nhà cô Nhã

Nhà cô Nhã ở bờ hồ. Hồ nhỏ, nhà nho nhỏ. Hồ có cá mè, ba ba. Nhà có na, nho, khế.



### ? Nói tiếp

Cánh Diều

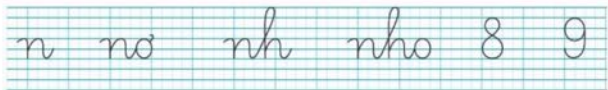
a) Hồ có...



b) Nhà có...



### 4. Tập viết





1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?



Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?



Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?



Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?



Sóc nâu thấy gì khi trở về nhà?



Hai bạn gặp lại nhau thế nào?



## Bài 21

## Ôn tập

### 1. Ghép các âm đã học thành tiếng

|    | a  | o | ô | ơ | e | ê | i | ia  |
|----|----|---|---|---|---|---|---|-----|
| c  | ca |   |   |   |   |   |   |     |
| k  |    |   |   |   |   |   |   | kia |
| g  |    |   |   |   |   |   |   |     |
| gh |    |   |   |   |   |   |   |     |

### 2. Tập đọc

#### Bi ở nhà

Nhà có giỗ. Mẹ nhờ Bi đỡ bé Li.  
Bé nhè. Bi bế bé. Bé lơ mơ. Bi đi  
nhè nhẹ. Đỡ bé khó ghê cơ!



### 3. Em chọn chữ nào?

c

?

k

g

?

gh



Bé ☐ ể.



Cò mò ☐ á.



Nhà có ☐ ế ☐ ỗ.

gh

gi

k

kh

m

n

nh



## Bài 22

# ng ngh

### 1. Làm quen



ngà



nghe

### 2. Tiếng nào có chữ **ng**? Tiếng nào có chữ **ngh**?



bí ngô



ngõ nhỏ



nghệ



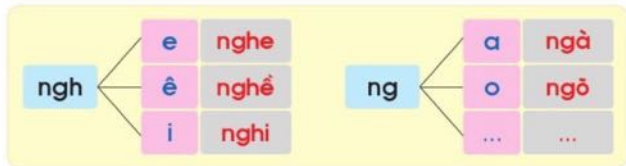
ngã



nhà nghỉ

ng    ngh

### 3. Ghi nhớ



### 4. Tập đọc

## Bi nghỉ hè

Nghe hè, Bi ở nhà bà.

Nhà bà có gà, có nghe. Ổ gà be bé. Gà có ngô.  
Nhà nghe nhỏ nhỏ. Nghe có cỏ, có mía.



### ? Ghép đúng

a) Nghe hè,

1) có gà, có nghe.

b) Nhà bà

2) Bi ở nhà bà.

### 5. Tập viết

ng ngà      ngh nghe



## Bài 23

# p ph

### 1. Làm quen



pi a nô



phố cổ

### 2. Tiếng nào có âm p? Tiếng nào có âm ph?

1



pa nô

2



phà

3



phở bò

4



phi

5



cà phê

ng    ngh    p    ph

### 3. Tập đọc

## Nhà dì

Nhà dì Nga có pi a nô.

Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì, nghe pi a nô.

Dì Nga pha cà phê. Bố mẹ có cà phê. Bi có phở.

Bé Li có na.



### ? Ghép đúng

a) Nhà dì Nga

1) đi phố, ghé nhà dì.

b) Cả nhà Bi

2) có pi a nô.

### 4. Tập viết

n pi a nô ph phố cổ



1. Làm quen



quả lê



rổ cá

2. Tiếng nào có âm **qu**? Tiếng nào có âm **r**?



cá quả



rá



quế



quạ



rễ



gà ri

ng    ngh    p    ph    qu    r

### 3. Tập đọc

## Quà quê

Quê có bà ở quê. Khi bà ra phố, cả nhà có quà.  
Quà là rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả. Có khi là cô gà ri.



? Bà cho nhà Quế quà gì?



### 4. Tập viết

qu quả lê r rổ cá

Q R



## Bài 25

# S

# X

### 1. Làm quen



sẻ



xe ca

### 2. Tiếng nào có âm s? Tiếng nào có âm x?



sổ



xô



si



xẻ gỗ

ng ngh p ph qu r s x

# Sẻ, quạ



1

Nhà sẻ có sẻ bé.



2

Sẻ ca "rì... rì...".



3

Phía xa là nhà quạ.



4

Quạ la "quạ... quạ...".



5

Sẻ bé sợ quạ.



6

Sẻ bố dỗ: "Sẻ ca rì rì. Quạ la quạ quạ. Bé sợ gì!".

 Ghép hình với chữ



"quạ... quạ..."

"rì... rì..."



4. Tập viết



S X



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Chuyện gì xảy ra khi kiến xuống suối uống nước?



Nhờ đâu kiến thoát chết?



Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?



Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?

**1. Tập đọc****Ở nhà bà**

Bi có bà ở quê. Nghỉ hè, Bi ở nhà bà.

Xa nhà, Bi nhớ bố mẹ. Giá bà ra phố ở nhà Bi, Bi đỡ nhớ bà, nhớ bố mẹ.

**2. Em chọn chữ nào: ng hay ngh?****M**

ngó



i



ã

**3. Tập chép**

Ra phố, bé nhớ bà ở quê.

ng   ngh   p   ph   qu   r   s   x



## Bài 28

# t

# th

### 1. Làm quen



tổ



thỏ

### 2. Tiếng nào có âm t? Tiếng nào có âm th?

1



tô mì

2



thả cá

3



tạ

4



thợ mỏ

5



quả thị

t

th

## Nhớ bố

Bố Thơ là thợ mỏ. Bố ở xa nhà. Ở nhà có mẹ, có Thơ, có bé Tộ. Cả nhà nhớ bố.



? Ghép đúng

a) Bố Thơ

1) nhớ bố.

b) Cả nhà

2) ở xa nhà.

4. Tập viết





1. Làm quen



tre



chó

2. Tiếng nào có âm tr? Tiếng nào có âm ch?



trà



chõ



chị



trê



trĩ



chỉ

t th tr ch

### 3. Tập đọc

## Đi nhà trẻ

Chị Trà cho bé Chi đi nhà trẻ. Qua chợ, chị chỉ cho bé cá trê, cá mè,...

Ở nhà trẻ, Chi nhớ mẹ. Chị Trà dỗ: "Bé nhè thì cô chê đó.". Bé nghe chị.



? Ghép hình với chữ

1



nhớ mẹ

dỗ bé Chi

2



### 4. Tập viết

tr tre ch chó



# Bài 30

# u

# ư

## 1. Làm quen



**tủ**



**sư tử**

## 2. Tiếng nào có âm u? Tiếng nào có âm ư?

1



đu đủ

2



cá thu

3



củ từ

4



cú

5



lá thư

6



củ tạ

t th tr ch u ư

### 3. Tập đọc

## Chó xù

Chó xù lù lù đi ra ngõ. Lũ gà ngõ nó là sư tử, sợ quá.

Sư tử đi qua. Nó ngó chó xù:

– Mi mà là sư tử à?

Chó xù sợ quá:

– Dạ... chỉ là chó xù ạ.

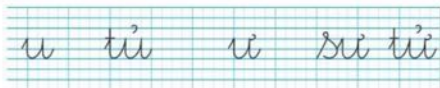


? Ý nào đúng?

a) Lũ gà ngõ chó xù là sư tử.

b) Sư tử ngõ chó xù là sư tử.

### 4. Tập viết



U Ư



1. Làm quen



**c**ư**a**



**ng**ư**a**

2. Tiếng nào có âm **ư**? Tiếng nào có âm **ơ**?

1



quả d**ư**a

2



r**ư**a

3



quả d**ơ**a

4



cà ch**ư**a

5



đ**ơ**a

6



s**ữ**a

t th tr ch u ư ơ ơ

## Thỏ thua rùa (1)



Bữa đó, thỏ ra bờ hồ. Xa xa có chú rùa. Thỏ đùa, rủ rùa thi đi bộ. Rùa chẳng sợ: “Thì thì thì!”.

Thỏ nghĩ: “Cứ để rùa bò. Ta phi như gió. Sợ gì!”.



Theo Truyện ngụ ngôn Ê-dốp

### ? Ghép đúng

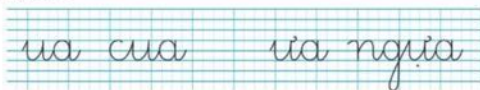
a) Thỏ

1) chẳng sợ thi.

b) Rùa

2) rủ rùa thi đi bộ.

### 4. Tập viết





1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?



Sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?



Vì sao bấy dê con không mở cửa, đóng thanh đuổi sói đi?



Thấy vậy, sói làm gì?



Đê mẹ về nhà khen các con thế nào?

**1. Tập đọc****Thỏ thua rùa (2)**

Thỏ nghĩ rùa sẽ thua. Nó la cà chỗ nọ, chỗ kia.

Rùa tự nhủ: “Ta sẽ cố.”.

Giữa trưa, rùa đã bỏ xa thỏ. Thỏ thua rùa.

Theo Truyện ngụ ngôn Ê-dốp

**?** Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

**1**

Thỏ rủ rùa thi đi bộ.



Thỏ thua rùa.



Thỏ la cà, rùa cố bò.

**2. Tập chép**

Thỏ la cà chỗ nọ, chỗ kia.

t th tr ch u ư ua ưa

1. Làm quen



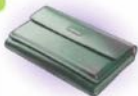
ve



y tá

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

1



vẽ

2



võ

3



ví

4



vở

5



y tế xã

### 3. Tập đọc

## Dì Tư

Dì Tư là y tá. Trưa qua, dì ra y tế xã. Khi về, dì ghé nhà Hà. Dì chỉ cho Hà vẽ. Hà vẽ lá, vẽ ve. Hà vẽ cả bé Lê.



### ? Ghép đúng

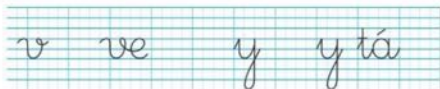
a) Dì Tư

1) vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.

b) Hà

2) chỉ cho Hà vẽ.

### 4. Tập viết



V

Y

**1. Tìm chữ hoa trong câu**

Dì Tư là y tá.

**2. Ghi nhớ**

Chữ đứng đầu tên bài, đứng đầu câu phải viết hoa.

Tên riêng phải viết hoa.

**3. Tập đọc**

## Chia quà

Má ở thị xã về. Má có quà cho cả nhà. Bà có nho.  
Ba có trà. Hà có mía. Bé Lê có sữa.

Ơ, quà của má là gì nhỉ?

À, má đã có bé Lê, có Hà là quà quý.



**4. Tìm trong bài đọc**

- Những chữ hoa đứng đầu tên bài, đứng đầu câu.
- Những chữ hoa ghi tên riêng.

# Chữ thường - chữ hoa

## Chữ in

|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| a | A | m | M |
| ă | Ă | n | N |
| â | Â | o | O |
| b | B | ô | Ô |
| c | C | ơ | Ơ |
| d | D | p | P |
| đ | Đ | q | Q |
| e | E | r | R |
| ê | Ê | s | S |
| g | G | t | T |
| h | H | u | U |
| i | I | ư | Ư |
| k | K | v | V |
| l | L | x | X |
|   |   | y | Y |

## Chữ viết

|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| a | A | m | M |
| ă | Ă | n | N |
| â | Â | o | O |
| b | B | ô | Ô |
| c | C | ơ | Ơ |
| d | D | p | P |
| đ | Đ | q | Q |
| e | E | r | R |
| ê | Ê | s | S |
| g | G | t | T |
| h | H | u | U |
| i | I | ư | Ư |
| k | K | v | V |
| l | L | x | X |
|   |   | y | Y |

1. Làm quen



quả **cam**



xe **đạp**

2. Đánh vần



3. Tiếng nào có vần **am**? Tiếng nào có vần **ap**?



khám



Tháp Rùa



quả **trám**



vật **vở**



múa sạp



sáp **nẻ**

v y am ap

## BỜ HỒ

Bố mẹ cho Giáp và bé Lam đi phố cổ. Cả nhà đi bộ ra Bờ Hồ. Gió hồ nhè nhẹ. Bố chỉ cho cả nhà Tháp Rùa ở giữa hồ.



? Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Cả nhà đi bộ...

b) Bố chỉ cho cả nhà...

5. Tập viết

am quả cam an xe đạp



# Bài 37

# ăm ăp

## 1. Làm quen



ch<sup>h</sup>ăm chỉ



c<sup>h</sup>ặt da

## 2. Tìm tiếng có vần ăm, tiếng có vần ăp

1



th<sup>h</sup>ắp

2



b<sup>h</sup>ắp ngô

3



t<sup>h</sup>ằm

4



t<sup>h</sup>ắm

5



n<sup>h</sup>ằm

6



g<sup>h</sup>ắp

v y am ap ăm ăp

### 3. Tập đọc

## Chăm bà

Bà bị cảm. Cả nhà lo lắng. Mẹ đi khắp chợ mua lá để chữa cảm. Ở nhà, bố và Thẩm pha sữa cho bà. Có cả nhà chăm, bà đã đỡ.



### ? Ghép đúng

a) Mẹ

1) bà đã đỡ.

b) Bố và Thẩm

2) đi mua lá để chữa cảm.

c) Có cả nhà chăm,

3) pha sữa cho bà.

### 4. Tập viết

ăm chăm chỉ    ập cập da



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Thỏ con đến bờ sông làm gì?  
Nó thấy cá sấu khi nào?



Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu  
mà vẫn đi xuống mép nước?  
Cá sấu bắt nó làm gì?



Trước khi nuốt mồi, cá sấu  
làm gì để dọa thỏ?



Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để  
thoát thân?



Nghe lời thỏ, cá sấu đã  
làm gì?



Khi cá sấu kêu, thỏ con  
làm gì?

**1. Tập đọc****Cô bé chăm chỉ**

Bé Chi chăm chỉ lắm. Bé đi khắp nhà. Khi thì bé mở vở của chị, ề ề. Khi thì bé đi xe đạp. Khi thì bé khám cho chó Lu. Lu “gù gù” có vẻ thú vị lắm.

**2. Tìm trong bài đọc:**a) 1 tiếng có vần **am**b) 1 tiếng có vần **ap**c) 2 tiếng có vần **ăm**d) 1 tiếng có vần **ăp****3. Tập chép**

Bé chăm chỉ, đi khắp nhà.



## Bài 40

# âm âp

### 1. Làm quen



củ sâm



cá mập

### 2. Tiếng nào có vần **âm**? Tiếng nào có vần **âp**?



nấm



mầm



tập múa



sâm cầm

### 3. Ghép đúng

a) đằm

b) đập

c) tập

1) nập

2) cá

3) lúa

âm âp

## Bé Lê

Bé Lê mê ti vi. Ti vi có sấm cầm. Bé chỉ: “Cò... cò...”.  
Ti vi có cá mập. Bé la: “Sợ!”. Má bế bé, vỗ về: “Cá  
mập ở ti vi mà.”. Má ấm quá, bé chả sợ nữa.



? Những ý nào đúng?

- a) Bé Lê chả mê ti vi.
- b) Bé Lê sợ cá mập.
- c) Có má, bé Lê chả sợ nữa.

âm củ sấm ập cá mập



# em ep

## 1. Làm quen



kem



dép

## 2. Tiếng nào có vần em? Tiếng nào có vần ep?



lễ phép



tem thư



cá chép



xem ti vi



rèm



ngõ hẹp

âm    âp    em    ep

### 3. Tập đọc

## Thi vẽ

Cá chép và gà nhí thi vẽ.

Cá chép vẽ nó làm vua. Gà nhí vẽ gà mẹ chăm lủ gà em.

Cô cò, chú trắm chấm thi. Họ cho là gà nhí vẽ vừa đẹp vừa có ý nghĩa.



1) Em đoán xem: Ai thắng trong cuộc thi?



?



2) Vì sao em nghĩ là bạn đó thắng?

### 4. Tập viết

em kem ep dép



## Bài 42

# êm êp

### 1. Làm quen



**đêm**



**bếp** lửa

### 2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng



âm    âp    em    ep    êm    êp

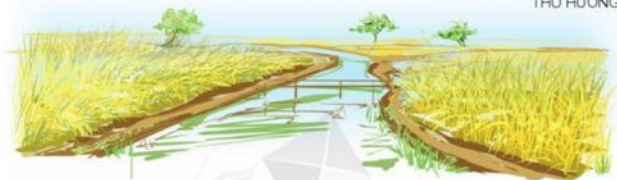
### 3. Tập đọc

## Lúa nếp, lúa tẻ

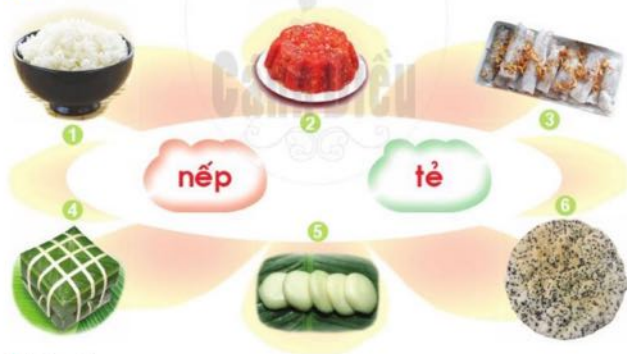
Lúa tẻ cho là nó thua kém lúa nếp vì trẻ em chỉ ưa đồ nếp. Đêm đó, nghe lúa tẻ thổ lộ, lúa nếp đáp:

– Chị nhầm. Lúa tẻ là vua cả năm. Đồ nếp chỉ là bữa phụ.

THU HƯƠNG



❓ Mỗi món dưới đây làm từ loại gạo nào?



### 4. Tập viết

êm đêm      ếp bếp lửa



1. Làm quen



**bim bip**

2. Tiếng nào có vần **im**? Tiếng nào có vần **ip**?

1



nhím

2



kịp

3



cà tím

4



kìm

5



chim

6



nhíp

âm âp em ep êm êp im ip

3. Tập đọc

## Sẻ và cò

Sẻ gặp cò ở hồ. Sẻ chê mỏ cò thô. Cò chả đáp gì.  
Sẻ rủ cò qua bờ kia. Gặp gió to, sẻ chìm ngấm. Cò  
kịp thò mỏ gấp sẻ, đưa sẻ qua hồ.

Từ đó, sẻ chả dám chê cò.

Theo *Truyện cổ Ấn Độ*  
(Hoàng Nam kể)



? Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1

Sẻ chê mỏ cò thô.

2

Sẻ rủ cò qua bờ kia.

Cò kịp thò mỏ gấp sẻ.

Gặp gió to, sẻ chìm ngấm.

4. Tập viết





1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi



Vì sao ba chú lợn phải làm nhà ở?



Mỗi chú lợn làm nhà bằng gì?



Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn anh?



Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn nhỏ?



Vì sao sói không phá được nhà lợn út?



Câu chuyện kết thúc thế nào?



1. Ghép các âm đã học thành vần. Tìm tiếng có vần đó.

|   | m | p |
|---|---|---|
| a |   |   |
| ă |   |   |
| â |   |   |

|   | m | p |
|---|---|---|
| e |   |   |
| ê |   |   |
| i |   |   |

2. Tập đọc

### Đêm ở quê

Đêm ở quê quả là êm ả.

Ở thị xã, cả đêm ì ầm ô tô, xe lửa.  
Ở quê chỉ nghe gió thổi, tre rì rào,  
đế rì rả. Có chú bìm bịp nấp ở  
đám cỏ cú "íp bịp, íp bịp".

NGUYỄN HOÀNG



3. Tập chép

Bếp lửa quê nhà ấm áp.



# Bài 46

# iêm yêm iệp

## 1. Làm quen



diêm



yêm



tấm thiệp

## 2. Tiếng nào có vần iêm? Tiếng nào có vần iệp?



dừa xiêm



múa kiếm



tấm liếp



liềm



diệp cá



kim tiêm

iêm yêm iệp

### 3. Tập đọc

## Gà nhí nằm mơ

Trưa hè, gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.

Gà nhí sợ quá. Nó “chiêm chiếp” ầm ĩ.

Gà mẹ khe khẽ ru. Mẹ ru êm quá. Gà nhí ngủ thiếp đi.



? Ý nào đúng?

a) Gà nhí bị quạ cắp đi.

b) Gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.

### 4. Tập viết

iêm diêm yêm iếp thiếp

1. Làm quen



**đom đóm**



**hộp tổ**

2. Tiếng nào có vần **om**? Tiếng nào có vần **op**?

1



cọp (hổ)

2



khóm tre

3



chỏm mũ

4



lom khom

5



xóm quê

6



gom góp

iêm yêm iệp om op

### 3. Tập đọc

## Lừa và ngựa

Lừa và ngựa đi xa. Lừa còm nhom mà chở lắm đồ quá. Lừa nhờ ngựa chở đỡ. Ngựa chẳng nghe.

Vì cố quá, lừa ngã ra bờ cỏ.

Thế là bà chủ xếp đồ từ lừa qua ngựa.

Phỏng theo LÊP TÔN-XTÔI (Thành Văn kể)



### ? Nói tiếp

a) Lừa nhờ ngựa chở đỡ đỡ, ngựa...

b) Lừa ngã, thế là...

### 4. Tập viết

om đom đóm ọp hợp tổ



## Bài 48

# ôm ôp

### 1. Làm quen



tôm



hộp sữa

### 2. Tiếng nào có vần ôm? Tiếng nào có vần ôp?

1



lốp xe

2



cốm

3



đốm lửa

4



chôm chôm

5



tốp ca

6



đồ gốm

iêm yêm iệp om op ôm ôp

3. Tập đọc



Chậm... như thỏ

Chó thì mỗ mỗ  
Gà thì liếm la  
Dữ như quả na  
Nhu mì gĩa cộp  
Cò thì phốp pháp  
Bò thì ồm ồm  
Cá thì la to  
Im như trẻ nhỏ  
Chậm như cô thỏ  
Lẹ như cù rùa...



Phỏng theo Về nói ngược

? Em hãy nói lại cho đúng thực tế

M Chó thì liếm la.  
Gà thì mỗ mỗ.

Dữ như...  
Nhu mì...

Cò thì...  
Bò thì...

Cá thì...  
Trẻ nhỏ thì...

Chậm như...  
Lẹ như...

4. Tập viết

ôm tôm ộp hộp sữa

1. Làm quen



cơm



tia chớp

2. Tiếng nào có vần **ôm**? Tiếng nào có vần **ợp**?



bơm



lớp



bờm ngựa



đớp cá



lợp nhà



nơm

iêm yêm iệp om ợp ôm ôp om ợp

### 3. Tập đọc

#### Ví dụ

Chị Thơm ra đề: “Cặp của Bi có 3 quả cam...”.

Bi đáp:

- Em chả đem cam ra lớp.
- Chị ví dụ mà... Chị tiếp nhé: Bi cho em Bốp 1 quả...
- Chị nhầm ạ. Em Bốp chỉ bú mẹ.
- Thì chị ví dụ mà...

Phỏng theo *Chuyện vui dạy học*



#### ? Ghép đúng

a) Chị Thơm

1) cho là chị Thơm nhầm.

b) Bi

2) chỉ đưa ra ví dụ.

### 4. Tập viết

om com ợn tia chợn



Theo Truyện ngụ ngôn dành cho bé

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Thấy sơn ca hát rất hay, vịt làm gì?



Vịt học hát như thế nào?  
Vì sao nó nghĩ mình vô tích sự?



Vì sao vịt và các bạn  
đều lao tới hồ sen?



Vịt cứu gà con như thế nào?



Các bạn đã  
làm gì sau khi vịt  
cứu gà con?



## Bài 51

## Ôn tập

1. Dỡ hàng ở mỗi toa tàu vào một thùng hàng thích hợp



2. Tập đọc

### Rùa nhí tìm nhà

Rùa nhí đi tìm chỗ ở. Nó vừa bò vừa nơm nớp lo gặp thú dữ. Gặp thỏ, rùa lập bập:

– Tổ chưa có nhà.

Thỏ khà khà:

– Rì rà rì rà. Đem nhà đi phố. Rùa nhớ ra chưa?

Rùa ngớ ra:

– Ủ nhĩ.



Phỏng theo THANH MAI (Thành Vân kể)

? Đố em: Nhà rùa đâu?



3. Nghe – viết

Rùa nhí nơm nớp lo.

# ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

## Luyện tập

### 1. Trò chơi: Hỏi và đáp tiếng

M



ập

op

êm

tiếp

nấp

chóp

êm

iếp

### 2. Tập đọc



#### Hộp lớp

Lớp cũ hộp ở khóm tre ngà.

Cà lủ kể lể rôm rã. Sẻ kể: Tổ của nó nhỏ mà đẹp lắm. Gà kể: Nó chăm lủ gà nhỏ như nắm rơm. Cua khệ nệ ôm yếm. Nó sắp có lủ cua bé tí bò khắp hồ.

### 3. Em chọn chữ nào: g hay gh?



à



ắp



i

### 4. Tập chép

Lớp cũ hộp ở khóm tre.

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 30 tiếng.

### Nằm mơ

① Mẹ ở thị xã về, mua dép cho bé Chi. Dép đẹp quá. Khi Chi đi, dép cứ “chíp, chíp, chíp, chíp”. Quả là thú vị. Chi mê dép lắm.

② Hôm đó, từ sớm, Chi đã tìm chị Trà:

– Đêm qua em nằm mơ, dép “chíp, chíp” của em bị chó Lu tha đi. Em nhờ chị tìm. Thế chị đã tìm ra dép cho em chưa?

③ Chị Trà nói ra:

– Ơ, đó là em nằm mơ chứ?

– Khi em mơ có chị ở đó.

Chị đã hứa tìm dép hộ em mà.

④ Chị Trà nói khắp nhà:

– Ồ, dép của em ở gầm ghế kia kìa!

Chi nhòm nhòm gầm ghế, la to:

– Đó, chị đã hứa tìm là chị sẽ tìm ra mà.



## Hứa và làm

① Khi đi thăm bà. Khi đi, nó hứa sẽ đem về đủ thứ cỏ lạ quả thơm làm quà cho thỏ và nhím. Thế mà khi về, nó chả nhớ nó đã hứa gì.

② Về nhà, khi chả có thứ quà gì như đã hứa. Nó chả dám gặp thỏ và nhím. Có gặp thì chỉ nghe thăm thì: "Khỉ hứa mà chả làm..".



③ Trưa đó, khi kể cho mẹ nghe. Mẹ nó thủ thỉ:

– Đã hứa thì cố mà làm. Hứa mà chả làm gì thì tệ quá. Nghe mẹ, khi tìm gặp thỏ và nhím. Nó hứa sẽ sửa chữa.

Phỏng theo *Chuyện của mùa hạ*

M

## II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

(Bài luyện tập)

A

ĐỌC

1. Nối từ ngữ với hình

1



ấm trà

quả mơ

tam ca

cá trắm

cửa chớp

2



4



5



3



## 2. Đọc thầm

### Cò và quạ

Cò vừa ngủ thì nghe om sòm  
"chiếp, chiêm", "quạ, quạ". Thì  
ra quạ sắp chop gà nhí. Quạ to  
và dữ. Gà thì bé tí, nép ở khóm  
tre. Cò vù qua khóm tre. Nó che  
cho gà, chia mỏ về phía quạ.  
Quạ sợ, bỏ đi.



## ? Nối đúng

a) Quạ

1) che cho gà, xua quạ đi.

b) Cò

2) sắp chop gà nhí.

## B VIẾT

### 1. Điền chữ: c hoặc k



am



ửa sổ



im

### 2. Tập chép

Gà nhí nép ở khóm tre.



# Bài 52

# um

# up

## 1. Làm quen



**chum**



**búp bê**

## 2. Tiếng nào có vần **um**? Tiếng nào có vần **up**?



chùm nho



cúp



tôm hùm



giúp đỡ



búp chè



mồm mồm

um up

### 3. Tập đọc

## Bà và Hà

Hà nhỏ mà chăm chỉ. Hà giúp bà xếp đồ ở tủ. Hà nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ.

Có hôm, Hà giúp bà chữa mũ cho búp bê. Ngắm Hà chăm chú đưa chỉ qua lỗ kim, bà tủm tỉm: "Hà của bà ngộ quá!".



### ? Ghép đúng

a) Hà

1) ngắm Hà, tủm tỉm.

b) Bà

2) chăm chỉ giúp bà.

### 4. Tập viết

um chum up búp bê



## Bài 53

# uôm

### 1. Làm quen



buôm

### 2. Tiếng nào có vần uôm? Tiếng nào có vần um?



quả muôm



sum họp



um tùm



nhuộm

um      up      uôm

### 3. Tập đọc

## Phố Thợ Nhuộm

Ở Thủ đô có phố Thợ Nhuộm. Bà em kể, xưa kia, phố có nghề nhuộm. Phố tấp nập và đẹp lắm. Bà hứa đưa em đi thăm phố. Bà sẽ kể cho em nghe thêm về nghề nhuộm.



### ? Ghép đúng

a) Ở Thủ đô

1) tấp nập và đẹp lắm.

b) Phố

2) có phố Thợ Nhuộm.

### 4. Tập viết

uôm buôm quả muôm



## 1. Làm quen



**bươm bướm**



**quả mướp**

## 2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đựng



um

up

uôm

ươm

ươp

### 3. Tập đọc

## Ủ ấm cho bà

Gió mùa về. Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm, vì tấm nệm cũ có chỗ đã tước ra.

Đêm đó, Mi nằm ôm bà ngủ. Bà thì thầm: “Bé Mi của bà ấm quá! Ấm như bếp lửa đỏ đượm.”.

Theo MAI THỊ MINH HUỆ



### ? Ghép đúng

a) Mẹ

1) ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.

b) Mi

2) mua cho bà tấm nệm ấm.

### 4. Tập viết

uôm bướm uôm miôm



1. Làm quen



**b**àn



**n**hà **h**át

2. Tiếng nào có vần **an**? Tiếng nào có vần **at**?



**nh**ãn



**th**ợ **h**àn



**b**át



**h**ạt **đ**ỗ



**m**àn



**ng**an

um up uôm ươm ươp an at

## Giàn mướp

Giàn mướp nhà Hà vừa ra nụ đã thơm ngát. Lầm hôm, Hà vừa đếm nụ vừa khe khẽ hát cho giàn mướp nghe. Có cả đàn bướm về tụ họp. Có lẽ nhờ thế mà mùa hè năm đó, giàn mướp sớm ra quả.

? Những ý nào đúng?

- a) Giàn mướp thơm ngát.
- b) Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe.
- c) Năm đó, giàn mướp chậm ra quả.

4. Tập viết

an bàn at nhà hát



1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi



Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyển trên cành cây?



Sói định làm gì sóc?  
Sóc van nài thế nào?



Sói hỏi sóc điều gì?  
Sóc nói gì?



Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?

**1. Tập đọc****Tóm cổ kẻ trộm**

Quạ ghé xóm gà. Gà mơ ngờ ngờ: “Quạ la cà làm gì?”.

Sớm ra, gà tía la om sòm: “Có trộm!”. Gà mơ than: “Có kẻ đã tha gà nhí đi.”.

Vừa khi đó, thám tử gà cổ tóm cổ quạ. Cả xóm ùa ra, quạ sợ quá.

Phỏng theo PHONG THU



**?** Nhắc lại tên các con vật trong truyện

**M** Gà cổ



**2.** Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống, rồi chép lại câu b:

a) Quạ kiếm cá la cà để  gà nhí.

b) Thám tử gà cổ  quạ.



1. Làm quen



chăn



mắt

2. Tiếng nào có vần **ăn**? Tiếng nào có vần **ắt**?



chim cắt



củ sắn (củ mì)



bắt cá



khăn mặt



thợ lặn



trăn

### 3. Tập đọc

## Ở nhà Hà

Nhà Hà có bà và ba má. À, có cả Hà và bé Lê nữa chứ.

6 giờ, Hà giúp má sắp cơm. Ba cho gà ăn. Bà rửa mặt cho bé Lê. Kế đó, cả nhà ăn cơm. 7 giờ, ba má dắt xe đi làm. Hà ra lớp. Bà đưa bé Lê đi nhà trẻ.



❓ Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống

|             | 6 giờ             | 7 giờ           |
|-------------|-------------------|-----------------|
| <b>M</b> Má | sắp cơm           | dắt xe đi làm   |
| Hà          | giúp má ■ ■       | ra lớp          |
| Ba          | cho gà ăn         | ■ ■ đi làm      |
| ■           | rửa mặt cho bé Lê | ■ bé đi nhà trẻ |

### 4. Tập viết

ăn chăn ắt mắt



## Bài 59

# ân ât

### 1. Làm quen



**cân**



**vật**

### 2. Sút bóng vào hai khung thành cho trứng



ăn

ăt

ân

ât

### 3. Tập đọc

## Chủ nhật

Chủ nhật, bố mẹ Bi ở nhà. Mẹ làm phở bò. Bố giặt giũ. Bi cho gà ăn. Bé Li rửa mặt, rửa chân cho búp bê.

Cả nhà ăn phở. Mẹ ăn chậm nhất vì vừa ăn vừa cho bé Li ăn.

Bi phụ bố rửa bát. Mẹ thì xem vở của Bi, gật gù: "Bi khá lắm!".



### ? Ghép đúng

a) Bi

b) Bé Li

1) rửa mặt, rửa chân cho búp bê.

2) cho gà ăn, phụ bố rửa bát.

3) gật gù: "Bi khá lắm!".

### 4. Tập viết

âm      cân      âl      vật

1. Làm quen



xe **ben**



**vẹt**

2. Xếp trứng vào hai rổ cho đúng



ăn    ắt    ăn    ắt    en    et

## Phố Lò Rèn

Nhà BI ở phố Lò Rèn. Xưa kia cả phố làm nghề rèn. Giờ chỉ có dăm nhà giữ nghề cũ.

Giữa phố xá nhà cửa san sát mà lò rèn đỏ lửa như ở chợ quê. Búa đập chan chát. Bể thổi phì phò. Lửa than khét lẹt.



? Ý nào đúng?

- a) Giờ thì cả phố làm nghề rèn.
- b) Lò rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê.

4. Tập viết

em xe ben et vet

## 1. Làm quen



tên lửa



tết

## 2. Tìm tiếng có vần ên, tiếng có vần êt



nến



bến xe



tết nơ



nhện



bồ kết



sên



rết

ăn ắt ăn ắt en et ên êt

### 3. Tập đọc

## Về quê ăn Tết

Nhà Bi về quê ăn Tết. Xe về bến chậm. Mẹ phàn nàn: “Chậm như sên!”.

Đêm 30, cả nhà làm lễ bên bàn thờ. Bố làm rằm khăn. Bà chấm chấm khăn lên mắt. Cả năm bà đã chờ nhà Bi về sum họp bên mâm cơm Tết.



### ? Nói tiếp

a) Nhà Bi về quê...

b) Đêm 30, cả nhà Bi...

### 4. Tập viết





1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Sư tử đi kiếm mồi, tóm được con vật gì?



Khi sư tử định ăn thịt chuột nhắt, chuột nói gì?



Khi được sư tử tha, chuột nhắt hứa hẹn thế nào?



Nghe chuột nhắt hứa hẹn, sư tử phì cười và nói gì?



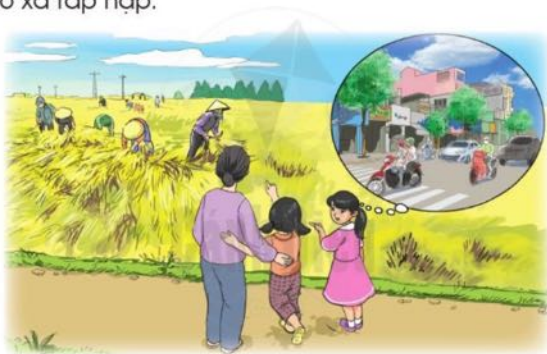
Khi sư tử bị sa lưới, chuột nhắt làm gì để cứu sư tử?



Chuột nhắt nói gì khi sư tử cảm ơn nó?

**1. Tập đọc****Kết bạn**

Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân về quê thăm bà. Gần nhà bà có bạn Tâm. Vân và Tâm kết bạn. Bà dẫn Vân và Tâm đi xem gặt lúa. Vân kể cho Tâm nghe về phố xá tấp nập.



**?** Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân...

b) Bà dẫn Vân và Tâm...

**2. Nghe – viết**

Vân và Tâm kết bạn.



## Bài 64

in

it

### 1. Làm quen



đèn **pin**



quả **mít**

### 2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng



in

it

### 3. Tập đọc

## Hồ sen

Gần nhà Ngân có hồ sen đẹp lắm. Từ cửa sổ, Ngân có thể nhìn rõ mặt hồ. Mùa hè đến, sen ra búp. Chỉ ít hôm, sen đã nở kín hồ. Khi gió về, nhà Ngân thơm ngát.



? Ý nào đúng?

a) Gần nhà Ngân có hồ cá đẹp lắm.

b) Mùa hè, sen nở kín hồ.

### 4. Tập viết

in đèn pin ít quả mít



## Bài 65

# iên iêt

### 1. Làm quen



cô tiên



Việt Nam

### 2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



viết

đèn điện



biệt thự

biển



kiến

viên phấn



in it iên iêt

## Tiết tập viết



Lớp Hà có tiết tập viết. Hà viết rất cẩn thận. Thế mà bạn Kiên xô bàn làm chữ “biển” của Hà xiên đi. Hà nhăn mặt. Kiên thì thầm: “Tớ lỗi mà.”.

Hà chữa giận bạn. Em viết thêm chữ “biển” thật đẹp. Cô nhìn chữ em, khen: “Chữ Hà đẹp lắm!”.

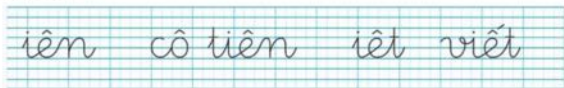
**?** Những ý nào đúng?

a) Hà viết chữ xiên vì chưa cẩn thận.

b) Hà viết chữ xiên vì Kiên lỡ xô bàn.

c) Cô khen chữ Hà đẹp.

## 4. Tập viết





## Bài 66

# yên yên

### 1. Làm quen



**yên** ngựa



Nam **Yết**

### 2. Tìm tiếng có vần **yên**, tiếng có vần **yết**



yên xe

niêm yết

**BẢNG NIÊM YẾT GIÁ**

| STT | HÀNG MẠI THỦY SẢN | ĐƠN VỊ ĐƠN GIÁ |
|-----|-------------------|----------------|
| 1   | Tôm tươi (1kg)    | 150.000 VNĐ    |
| 2   | Cá chép (1kg)     | 120.000 VNĐ    |
| 3   | Cá rô (1kg)       | 100.000 VNĐ    |
| 4   | Cá lóc (1kg)      | 80.000 VNĐ     |
| 5   | Cá ngừ (1kg)      | 180.000 VNĐ    |
| 6   | Cá thu (1kg)      | 160.000 VNĐ    |
| 7   | Cá cơm (1kg)      | 90.000 VNĐ     |
| 8   | Cá mòi (1kg)      | 70.000 VNĐ     |
| 9   | Cá trích (1kg)    | 110.000 VNĐ    |
| 10  | Cá diếc (1kg)     | 60.000 VNĐ     |



chim yến

yết kiến



### 3. Ghi nhớ

| Âm đầu | Vần | Tiếng |
|--------|-----|-------|
| t      | iên | tiên  |
|        | yên | yên   |

| Âm đầu | Vần | Tiếng |
|--------|-----|-------|
| b      | iêt | biết  |
|        | yết | yết   |

in it iên iêt yên yết

4. Tập đọc

## Nam Yết của em



Nam Yết nằm giữa biển, như nét chấm nhỏ trên bản đồ Việt Nam.



Tù xưa, Việt Nam đã làm chủ Nam Yết.



Nam Yết có nhà cửa, có đèn biển.



Chiến sĩ ở đó như ở nhà.



Nam Yết là bộ phận của cơ thể Việt Nam.

? Nói điều em biết về đảo Nam Yết qua một tấm ảnh

M Ảnh 1:

a) Nam Yết nằm giữa biển.

b) Nam Yết như nét chấm nhỏ trên bản đồ Việt Nam.

5. Tập viết

yên yên ngựa yết yết kiến



# on ot

## 1. Làm quen



mẹ **con**



chim **hót**

## 2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



nón lá

quả nhót

rót trà

sốt cá

ném còn



in it iên iêt yên yêt on ot

### 3. Tập đọc

## Mẹ con cá rô (1)

Rô mẹ đi kiếm ăn, dặn con:

– Con ở nhà, chớ đi xa nhé.

Rô con “dạ” rõ to.

Mẹ vừa đi, rô con liền tót ra ngõ. Nó rủ cá cò lên bờ xem ở đó có gì lạ. Cá cò can:

– Mẹ bạn dặn chớ đi xa mà.

Rô con đáp:

– Bà hồ gần lắm.



? a) Ý nào đúng?

Rô mẹ vừa đi:

- Rô con đã rủ cá cò lên bờ.
- Cá cò đã rủ rô con đi xa.

b) Lễ ra trước khi đi chơi, rô con phải xin phép mẹ thế nào?

### 4. Tập viết

on mẹ con ot chim hót



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Mây trắng nói gì với mây đen?



Mây đen lặng im vì còn mãi nghĩ điều gì?



Vì sao mây đen ồ khóc?



Nước mắt của mây đen mang lại điều gì cho cánh đồng và cỏ cây, hoa lá?



Vì sao mây trắng xấu hổ, tự trách mình?



## Bài 69

## Ôn tập

### 1. Ghép các âm dưới đây thành vần

|    |         |   |
|----|---------|---|
|    | n       | t |
| i  |         |   |
| iê | (M) iên |   |

|    |   |   |
|----|---|---|
|    | n | t |
| yê |   |   |
| o  |   |   |

### 2. Tập đọc

### Mẹ con cá rô (2)

Rô con vọt lên bờ. Chả ngờ, bờ hồ khô cạn, nó nằm thỏ.

Chị gió nghe rô than thở, bèn đi tìm thần mưa. Thần mưa phất cờ. Mưa to đổ về, tràn qua bờ hồ. Rô con vọt về nhà. Nó xin mẹ tha thứ.

DIỆU ANH KỂ



? a) Ý nào đúng?

Khi rô con gặp nạn:

- Cá cò giúp rô con.
- Chị gió, thần mưa giúp rô con.

b) Nói lời rô con xin lỗi mẹ.

### 3. Tập chép

Rô con vọt về nhà, gặp mẹ.

1. Làm quen



thôn xóm



cột cờ

2. Tiếng nào có vần **ôn**? Tiếng nào có vần **ô**?



cà rốt



đôn



lá lốt



chồn



thốt nốt



trốn tìm

ôn ô

### 3. Tập đọc

## Nụ hôn của mẹ

Chi bị sốt. Mẹ đưa bé lên trạm y tế. Cô y tá tiêm cho Chi. Chi vẫn nằm thiêm thiếp. Mẹ hôn lên trán Chi. Nụ hôn của mẹ thật ấm áp. Chi từ từ mở mắt, thì thầm:

– Mẹ à, con chả ốm nữa.

Mẹ sờ trán Chi. Bé đã hạ sốt.

LÊ CHÂU



### ? Ghép đúng

a) Nụ hôn của mẹ

b) Trạm y tế

c) Bé Chi

1) thật ấm áp.

2) đã hạ sốt.

### 4. Tập viết

ôn thôn xóm      ôi      cột cờ



# Bài 71

# ơn ơ

## 1. Làm quen



**sơn** ca



**vợt**

## 2. Tìm tiếng có vần **ơn**, tiếng có vần **ơ**



lợn



thớt



sơn nhà



cá thên bơn



ớt



cơn mưa

ơn    ơt    ơn    ơt

### 3. Tập đọc

## Sơn và Hà

Giờ kiểm tra. Sơn vừa chép đề vừa lẩm nhẩm: “Giỏ có 8 con cá thөн bạn. Cho bắt 5 con, còn 4.”. Hà thì thầm: “Còn 3 chứ?”.

Cô Yến đến bên Hà:

– Hà để bạn tự làm đi.

Hà lễ phép:

– Dạ.

Sơn ngẫm nghĩ. Em chợt nghĩ ra và nắn nót viết:  
“ $8 - 5 = 3$ ”.

NGUYỄN LÝ



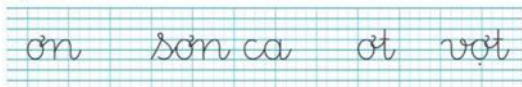
? Ý nào đúng?

Cô Yến đề nghị Hà:

a) Để bạn Sơn tự làm.

b) Giúp bạn Sơn.

### 4. Tập viết





## 1. Làm quen



phun



bút



mứt

## 2. Tiếng nào có vần **un**? Tiếng nào có vần **ưt**? Tiếng nào có vần **ưt**?



chim cút



râm bụt



nứt nẻ



chú lùn



ấm sứ



cún con

ôn ôt ơn ơt un ưt ưt

### 3. Tập đọc

## Làm mứt

Thỏ rủ cún làm mứt cà rốt.

Cún đun bếp, lửa ngùn ngụt. Thỏ la:

– Lửa to quá! Rút bớt lửa đi!

– Bạn la to làm tớ sợ quá. – Cún phàn nàn.

Thỏ nhỏ nhẹ:

– Làm mứt cần nhỏ lửa, cún à.

– Thế à? Cảm ơn thỏ nhé.

LÊ CHÂU



### ? Ghép đúng

a) Thỏ rủ cún

1) đun bếp, lửa ngùn ngụt.

b) Cún

2) cần nhỏ lửa.

c) Làm mứt

3) làm mứt cà rốt.

### 4. Tập viết

un phun ut bút ut mứt



# uôn uột

## 1. Làm quen



chuồn chuồn



chuột

## 2. Tiếng nào có vần **uôn**? Tiếng nào có vần **uột**?



cá chuồn



vuốt nhọn



cuộn chỉ



tuốt lúa



buồn bã

ôn ôt ơn ơt un ưt ưt uôn uột

## Chuột út (1)

Mẹ bận làm bếp. Chuột út buồn, lùn cùn đi ra sân.

Đến trưa, về nhà, nó ôm mẹ, kể:

- Mẹ ạ, trên sân có một con thú dữ lắm. Mù nó đỏ, mỏ nhọn, mắt thô lỗ. Nó quát rõ to. Con sợ quá.

Chuột mẹ đáp:

- Con thú đó rất hiền. Nó chỉ muốn đùa con.

Theo LÊP TÔN-XTÔI



? Đố em: Con thú "dữ" chuột út gặp là con gì?



4. Tập viết

uôn chuồn uột chuột



1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi



Vì sao thần gió kêu ngạo?



Thần gió nói gì với Mặt Trời?  
Mặt Trời trả lời ra sao?



Thần gió dương oai, kết quả thế nào?



Mặt Trời thủ súc, kết quả ra sao?

**1. Tập đọc****Chuột út (2)**

Chuột út hơn hỏ kể tiếp:

- Con còn gặp một con thú rất hiền. Nó nằm thu lu trên sân. Nó luôn liếm chân, liếm cổ và nhìn con rất thân thiện.

Chuột mẹ la lớn:

- Đó là kẻ thù của nhà chuột. Con mà đến gần, nó sẽ ăn thịt con đó.

Theo LÊP TÔN-XTÔI

**?** Đố em: Con thú "hiền" chuột út gặp là con gì?

**2. Tập chép**

Chuột kể về con thú nó gặp.



1. Làm quen



con **ươn**



**ươt** ván

2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng



ươn



ươt



ươn ươt

### 3. Tập đọc

## Lướt ván

Cún, thỏ và vượn ra biển.

Biển đẹp quá. Trên bờ, lũ chuột trượt ván, nô đùa ẩm ỉ.

Trên mặt biển, bọn cá chuồn hăm hờ lướt đi. Đến lướt cún, nó lướt như múa lượn. Vượn chưa dám ra xa. Thỏ sợ ướt, ở trên bờ cổ vũ.

Gần trưa, ba bạn về nhà. Ra biển thú vị thật!

HÀILÊ



### ? Ghép đúng

a) Cún

1) sợ ướt, ở trên bờ.

b) Vượn

2) chưa dám ra xa.

c) Thỏ

3) lướt như múa lượn.

### 4. Tập viết

lướt lượn lướt lướt ván



# ang ac

## 1. Làm quen



thang



vạc

## 2. Tiếng nào có vần **ang**? Tiếng nào có vần **ac**?



bác sĩ



cá vàng



con hạc



dưa gang



bản nhạc



chở hàng

ươn ươt ang ac

### 3. Tập đọc

## Nàng tiên cá

Nàng tiên cá là con vua biển. Nửa thân trên của nàng như một cô bé. Nửa thân kia là cá. Nhờ thế, nàng lướt trên biển rất nhẹ nhàng.

Nàng tiên cá có tất cả các thứ nàng muốn. Nàng chỉ chưa biết đất liền. Đêm đêm, nàng ngân nga hát. Dân đi biển nghe nàng hát, quên cả mệt, cả buồn.

Phỏng theo AN-ĐÉC-XEN  
(Nguyễn Minh kể)



### ? Ghép đúng

a) Nàng tiên cá

1) nghe hát, quên cả mệt, cả buồn.

b) Dân đi biển

2) ngân nga hát.

### 4. Tập viết

ang thàng ac vạc



## 1. Làm quen



m**ă**ng



t**ă**c kè

## 2. Tiếng nào có vần **ă**ng? Tiếng nào có vần **ă**c?



r**ă**ng



x**ă**c



g**ă**ng



tia n**ă**ng



qu**ă** l**ă**c



s**á**ng v**ă**ng v**ă**c

ư**ơ**n    ư**ơ**t    a**ơ**ng    ă**ơ**c    ă**ơ**ng    ă**ơ**c

### 3. Tập đọc

## Cá mập lạc mẹ (1)



Ở biển lớn, có một chú cá mập nhỏ. Sáng sáng, mẹ dẫn chú đi kiếm ăn.

Một hôm mưa to gió lớn, cá mập lạc mẹ. Cá mập lo lắng lắm. Chú đang cố tìm mẹ thì tù đặng xa, chợt hiện ra một con cá mập. Mồm cá mập há to, răng sắc nhọn, lồm chồm.

MINH CHÂU

? Những ý nào đúng?

a) Một hôm mưa gió, cá mập lạc mẹ.

b) Cá mập tự ý đi xa nên lạc mẹ.

c) Cá mập chợt gặp cá mập.

### 4. Tập viết

ăng măng ắc tắc kè



1. Làm quen



**nhà tầng**



**quả gấc**

2. Tiếng nào có vần **âng**? Tiếng nào có vần **âc**?



**bậc thang**



**vầng trăng**



**ngẩng lên**



**nhấc lên**

ươn ươt ang ac ăng ắc âng âc

### 3. Tập đọc

## Cá mập lạc mẹ (2)

Cá mập áp sát cá mướp. Cá mướp bèn nhô lên, bám chặt thân trên cá mập.

Tự nhiên mất hút cá mướp, cá mập ngớ ra: “Ta đã ăn nó chưa nhỉ?”.

Cá mướp bỏ cá mập, tìm về nhà. Chợt mẹ nó vụt đến như một giấc mơ. Nó áp sát mẹ, cảm giác lâng lâng khó tả.



**?** Nói tiếp từ còn thiếu để hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện

1) Cá mập áp sát cá mướp.



2) Cá mướp bám chặt thân trên...



4) Cá mướp tìm về nhà và gặp mẹ.



3) Cá mập chẳng tìm ra...

### 4. Tập viết

âng nhà tăng ôc quả gấc



Theo 365 chuyện kể trước giờ đi ngủ

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Chuyện gì xảy ra ở nhà chồn?



Vì sao chim sẽ biết chuyện đó?



Sẽ đã báo tin cho ai?  
Bác ấy đã làm gì?



Sẽ còn báo tin cho ai nữa?  
Cô ấy đã làm gì?



Nhận được tin của sẽ,  
chuột túi đã làm gì?



Chồn mẹ nói gì trước  
sự giúp đỡ của mọi người?

**1. Ghép các âm dưới đây thành vần**

|   | ng | c |
|---|----|---|
| a |    |   |
| ă |    |   |
| â |    |   |

**2. Tập đọc****Bỏ nghề**

Có bác thợ săn gặp một con vượn mẹ đang cho con bú. Bác rút tên, ngắm. Vượn mẹ chột ngẩng lên. Nó nhìn bác, mặt dờ ra.

Bác thợ săn nghĩ: “Ta bắn nó, con nó sẽ chết.”. Thế là bác bỏ đi. Từ đó, bác bỏ nghề săn bắn.

Phỏng theo LÊP TÔN-XTÔI (Hoàng Nam kể)



**?** Ý nào đúng?

Bác thợ săn bỏ đi vì:

- a) Vượn mẹ đã nhận ra bác.
- b) Chằng nỡ giết mẹ con vượn.

**3. Tìm chữ phù hợp với ô trống (g hay gh) rồi chép lại câu sau:**

Vượn mẹ ặp bác thợ săn, ôm i vượn con.



1. Làm quen



xà **ben**g



bé**c** giê

2. Tiếng nào có vần **eng**? Tiếng nào có vần **ec**?



lợn eng **éc**



xén**g**



gỗ kén**g**



xe tét chở xăn**g**



xe điệ**n** lén**g** kén**g**

### 3. Tập đọc

## Xe rác



Sáng sáng, xe rác lặng lẽ đi làm. Nó về khi tất cả đã ngon giấc. Xe điện, xe təc cần nhàn: “Bản quá!”.

Một đêm mưa to, phố xá ngập rác. Xe điện, xe təc lo lắng nhìn.

Thế mà sáng sớm, phố xá đã hết rác. Nhìn xe rác bon bon chở rác, xe təc hớn hở, xe điện leng keng: “Cảm ơn bạn nhé!”.

NGUYỄN LỖ

❓ Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

- 1 Xe điện, xe təc chê xe rác bẩn.
- 2 Xe rác chở rác đi.
- 3 Một đêm mưa to, phố xá ngập rác.
- 4 Xe điện, xe təc cảm ơn xe rác.

### 4. Tập viết

eng xà beng ec xe təc



## 1. Làm quen



**gõ chiêng**



**yêng**



**xiếc**

## 2. Tiếng nào có vần iêng? Tiếng nào có vần iêc?



**diệc**



**củ riềng**



**cá diếc**



**khiêng**



**tiệc**



**giếng**

eng ec iêng yêng iêc

### 3. Tập đọc

## Cô xẻng siêng năng

Cô xẻng làm việc rất siêng năng. Có lần, chị gió hăm hờ dọn đỡ cô. Chả ngờ, gió làm rác văng khắp chốn. Chị gió buồn lắm.

Nhìn chị gió ủ rũ, cô xẻng nhẹ nhàng:

– Chị chớ buồn. Chị luôn giúp nhà nhà mát mẻ mà.

Chú yểng nghe thế thì lem lém:

– Em siêng năng, chị chăm chỉ.

HOÀNG NGUYỄN



### ? Ghép đúng

a) Cô xẻng

b) Chị gió

c) Chú yểng

1) khen cô xẻng và chị gió.

2) rất siêng năng.

3) giúp nhà nhà mát mẻ.

### 4. Tập viết

iêng chiêng yểng iêc xiếc



# Bài 84

# ong oc

## 1. Làm quen



**bóng**



**sóc**

## 2. Tiếng nào có vần **ong**? Tiếng nào có vần **oc**?



cóc



chong chóng



ong



đọc



hạt ngọc



võng

eng ec iêng yêng iêc ong oc

### 3. Tập đọc

#### Đi học

Sóc, nhím và thỏ học  
Học lớp cô sơn ca  
Bác ngựa đón từ nhà  
Đưa cả ba đi học.

Vó ngựa va lóc cóc  
Xe cú lăn bon bon  
Chim chóc liệng vòng tròn  
Hát ca vang rộn rã.

Đi học lấm sù lạ  
Cha mẹ vẫn chờ mong  
Ba bạn hứa trong lòng  
Học tập thật chăm chỉ.



HÀ LÊ

? Nói lại các câu sau cho đủ ý

a) Sóc, nhím và thỏ học lớp...

b) ... đưa cả ba bạn đi học.

c) Ba bạn hứa học tập...

### 4. Tập viết

ong bóng oc sóc



## 1. Làm quen



dòng sông



gốc đa

## 2. Tiếng nào có vần **ông**? Tiếng nào có vần **ôc**?



thông



cốc



đồng lúa



thợ mộc



ốc



ngỗng

eng ec iêng yêng iêc ong oc ông ôc

### 3. Tập đọc

## Quạ và công

Xưa kia, quạ và công trắng muốt. Một hôm, quạ rủ công làm đẹp.

Quạ trang điểm cho công. Xong, nó nhìn công, gật gù:

– Đẹp quá! Giờ đến lượt tớ.

Chợt có tiếng lợn “eng éc”. Làng bên có cổ. Quạ sốt ruột. Nó dốc hết lọ bột đen đã pha lên thân. Từ đó, quạ đen như than.



Truyện dân gian Việt Nam (An Khuê kể)

### ? Ghép đúng

a) Bộ lông của công đẹp

1) là do quạ dốc hết lọ bột đen lên thân.

b) Bộ lông của quạ đen

2) là nhờ quạ trang điểm cho.

### 4. Tập viết

ông dòng sông ôc gốc đa



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Bố mẹ đi vắng, cô bé ở nhà một mình làm gì?



Điều gì bất ngờ xảy ra? Thái độ của cô bé lúc đó ra sao?



Vì sao sau đó cô bé đã sợ?



Cô bé đã làm gì để giúp gấu?



Khi bố mẹ về, nghe cô bé kể lại mọi chuyện, thái độ của họ ra sao?



Gấu đã làm gì để tỏ lòng biết ơn cô bé?

**1. Tập đọc****Con yểng**

Ông ở quê ra, tặng Long một con yểng đẹp lắm. Long nó đen biếc, mỏ đỏ, cổ có sọc vàng. Yểng biết hót “Ông à!”, khiến Long mê tít.

Long muốn yểng hót: “Long à!”. Chín hôm liền, cú học xong là Long đến bên lồng yểng, thủ thi: “Long à!”. Thế là yểng bỗng cất tiếng: “Long à!”.



**?** Chọn dấu câu (**dấu chấm** hoặc **dấu chấm hỏi**) phù hợp với ô trống:

- a) Ông tặng Long một con yểng rất đẹp ☐
- b) Long muốn con yểng làm gì ☐

**2. Nghe – viết**

Lông yểng đen biếc, cổ có sọc vàng.



1. Làm quen



sung



cúc

2. Tiếng nào có vần **ung**? Tiếng nào có vần **uc**?



thùng rác



bông súng



cá nục



khóm trúc

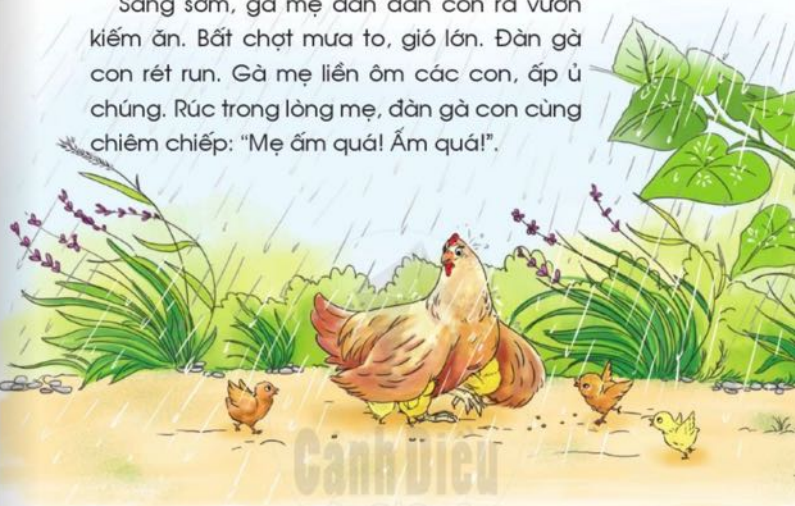


xúc đất

### 3. Tập đọc

## Gà mẹ, gà con

Sáng sớm, gà mẹ dẫn đàn con ra vườn kiếm ăn. Bất chợt mưa to, gió lớn. Đàn gà con rét run. Gà mẹ liền ôm các con, ấp ủ chúng. Rúc trong lòng mẹ, đàn gà con cùng chiêm chiếp: “Mẹ ấm quá! Ấm quá!”.



### ? Ghép đúng

a) Đàn gà con

1) liền ôm các con, ấp ủ chúng.

b) Gà mẹ

2) rét run.

### 4. Tập viết

ung sung uc cüc

1. Làm quen



**lưng**



**cá mực**

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



gùng

chim ưng



trúng

thức đêm



rừng

lục sĩ



ưng ưc ưng ưc

### 3. Tập đọc

## Sáng sớm trên biển

Sáng sớm, biển thật là đẹp! Từ phía xa tít tắp, một vầng hồng từ từ nhô lên. Mặt biển ửng hồng. Từng lớp sóng nhấp nhô. Những tia nắng sớm nê đùa trên sóng. Nắng lên dần. Mặt biển sáng rực.



? Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Khi vầng hồng nhô lên, mặt biển...

b) Những tia nắng sớm...

### 4. Tập viết

ình hững ực cá mực



1. Làm quen



chuông



đuốc

2. Xếp hoa vào hai nhóm



ung uc ưng ưc uông uộc

### 3. Tập đọc

## Con công lẩn thần



Công cho rằng nó đẹp nhất trần gian.

Một hôm, công uốn ngực đến bên hồ. Nó bỗng nhận ra trong hồ có một con công khác.

Nó bèn sà xuống hồ để so sắc đẹp. Nhưng nó vừa xuống, con công kia đã biến mất. Công ngụp lặn tìm. Nó ướt nhẹp, run cầm cập.

Chim cuốc nhìn công, gật gù: “Đẹp mà chẳng khôn!”.

Phỏng theo truyện nước ngoài (Hoàng Nam kể)



? Ý nào đúng?

- a) Con công trong hồ là một con công khác.
- b) Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ.

### 4. Tập viết

uông chuông uộc duộc



## 1. Làm quen



**gương**



**thước**

## 2. Tiếng nào có vần **ương**? Tiếng nào có vần **ước**?



lược



thuộc dục



giọt sương



giường



rước đèn



sân trường

ung uc ưng ưc ương uộc ương ước

### 3. Tập đọc

## Hạt giống nhỏ

Một hạt giống nhỏ nằm lặng lẽ bên đường. Bé nhặt được, đem về thả xuống góc vườn.

Chỉ ít hôm, mầm non đã vươn lên, uống những giọt sương sớm. Lá non khẽ rung rung. Dường như lá muốn cảm ơn bé.



### ? Ghép đúng

a) Mầm non

1) khẽ rung rung.

b) Lá non

2) đã vươn lên.

### 4. Tập viết

ương gương ước thước



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Điều gì xảy ra khi ông lão đi vào rừng?



Khi thấy ông lão, mấy con sếu như thế nào?



Ông lão làm gì để giúp sếu nhỏ? Sếu bố, sếu mẹ làm gì?



Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão làm gì?



Gia đình sếu đã làm gì để cảm ơn ông lão?



Ông lão ước điều gì? Điều gì đã xảy ra?

**1. Tập đọc****Ông bà em**

Ông bà em rất thương em. Sáng sáng, ông đưa em đến trường. Hết giờ học, ông đón em về. Khi em về đến nhà, bà pha nước để ông bà và em cùng uống. Em uống nước và kể cho ông bà nghe về các bạn ở trường.

**? Ghép đúng****a) Ông**

1) kể cho ông bà nghe về các bạn.

**b) Bà**

2) đưa em đến trường, đón em về.

**c) Em**

3) pha nước để ông bà và em cùng uống.

**2. Tập chép**

Sáng sáng, ông đưa em đến trường.

# ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

## Luyện tập

1. Đồ em: Mỗi toa tàu dưới đây chở gì?



thuốc

dưa chuột

đường

mướp

trứng

cá ướp



M

Toa 1 (uốc): thuốc.

Toa 2: ☐

Toa 3: ☐

Toa 4: ☐

Toa 5: ☐

2. Tập đọc

### Chú bé trên cung trăng

Những đêm trăng, bà thường chỉ cho Bi ba bóng đen mờ trên Mặt Trăng. Trông chúng giống một gốc đa, một con nghé và một chú bé.

Bà kể: Xưa kia chú bé ở trần gian. Một cơn gió đã cuốn chú cùng gốc đa và nghé lên cung trăng. Trên đó, chú rất buồn vì nhớ nhà. Nhưng mặt đất quá xa. Chú bé không về được nữa.



NGUYỄN HOÀNG

3. Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?



☐ é



☐ e



☐ ỗng

4. Tập chép

Chú bé trên cung trăng rất nhớ nhà.

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 35 - 40 tiếng.

## Một trí khôn hơn trăm trí khôn

### 1 Tỏ vẻ

Chồn và gà rừng là bạn thân nhưng chồn vẫn ngầm xem thường gà. Một hôm, chồn tỏ vẻ:

- Gà à, bạn có trí khôn chú?

- Chỉ có tí tí. - Gà đáp.

Chồn ra vẻ:

- Tôi thì có cả trăm trí khôn cơ.



### 2 Bất ngờ

Vừa lúc đó, một bác nông dân cầm liềm đi qua.

Chồn và gà cuống cuống bỏ trốn. Chúng nấp trong đám cỏ rậm. Bác nông dân len giữa đám cỏ, đe: "Ta đã nhìn rõ bọn mi. Cú nằm yên đó nhé!".



### 3 Trí khôn của gà

Chồn và gà nghe thế thì ón quá. Gà giục chồn: "Bạn nghĩ kế gì đi!". Chồn chả nghĩ ra kế gì. Nó nhờ gà nghĩ giúp. Gà thầm thì: "Bạn cứ yên trí làm thế, làm thế...".



#### 4 Mắc lừa



Bác nông dân tóm được gà trong đám cỏ. Gà già vờ ủ rũ. Bác ta bỏ gà trên cỏ để vỗ chồn. Gà vù lên đồng rơm, vươn cổ: "Ồ ó o o...". Bác liền bỏ chồn để vỗ gà. Chỉ chờ thế, chồn co giò biến mất.

#### 5 Cảm phục

Chồn về đến nhà, vừa sợ, vừa thẹn, vừa cảm phục gà. Chồn đến tìm gà. Nó ân hận:

– Gà à, tí ti trí khôn của bạn còn hơn cả trăm trí khôn của tớ. Cảm ơn bạn nhé!

Từ hôm đó, chồn tin và quý gà hơn.



Phỏng theo *Truyện đọc 1*, 1994 (Hoàng Sơn kể)

### M

## II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

### A ĐỌC

(Bài luyện tập)

#### 1. Nối từ ngữ với hình



bông sen

quả mướp

bếp lửa

thiên nga

tập võ

gương



## 2. Đọc thầm

### Thần ru ngủ

Đêm đến, khi đám trẻ tụ tập bên bàn thì thần ru ngủ rón rén bước đến. Thần hé cửa, phả một làn gió nhẹ. Thế là bọn trẻ buồn ngủ rũ.



Khi bọn trẻ ngủ, thần che chiếc ô có bức vẽ đẹp cho những đứa trẻ dễ thương. Các bé sẽ có giấc mơ đẹp. Đứa trẻ hư chẳng mơ gì vì chiếc ô che cho chúng không vẽ gì.

Theo AN-ĐÉC-XEN (Hạnh Mai kể)

**?** Khoanh tròn chữ cái trước ý đúng.

- a) Thần ru ngủ giúp đứa bé dễ thương có giấc mơ đẹp.
- b) Thần làm cho đứa bé hư chẳng ngủ được.

## B VIẾT

1. Điền chữ: **c** hoặc **k**



iền



ìm



ông

2. Tập chép

Đứa trẻ dễ thương có giấc mơ đẹp.

# BẢNG TRA CÚT TỪ NGỮ

| Từ ngữ       | Trang                                                                              | Từ ngữ      | Trang                                                                                                            |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| âm           | 6, 7, 12, 13, 16, 19, 21, 22, 24, 26, 28, 31, 36, 38, 41, 52, 54, 56, 81, 125, 145 | nghe – viết | 91, 115, 155                                                                                                     |
| câu          | 64, 67, 105, 145, 151, 157                                                         | ôn tập      | 21, 31, 41, 51, 61, 71, 91, 92, 105, 115, 125, 135, 145, 155, 165, 166                                           |
| chữ          | 7, 13, 41, 49, 51, 55, 64, 92, 95, 145, 166, 169                                   | tập chép    | 51, 61, 71, 81, 92, 95, 125, 135, 165, 166, 169                                                                  |
| chữ hoa      | 64, 65                                                                             | tập đọc     | 15, 17, 19, 21, 23, 27, 29, 31, 33, 35, 37, 39, 41, 43, 45, 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 64, 67, ...      |
| chữ in       | 65                                                                                 | tập viết    | 7, 9, 13, 15, 17, 19, 23, 27, 29, 33, 35, 37, 39, 43, 45, 47, 49, 53, 55, 57, 59, 63, 67, 69, 73, 75, 77, ...    |
| chữ thường   | 65                                                                                 | thanh       | 8, 9, 14, 15, 21, 25                                                                                             |
| chữ viết     | 65                                                                                 | thanh hỏi   | 14                                                                                                               |
| dấu câu      | 155                                                                                | thanh huyền | 8                                                                                                                |
| dấu chấm     | 155                                                                                | thanh nặng  | 15                                                                                                               |
| dấu chấm hỏi | 155                                                                                | thanh ngã   | 25                                                                                                               |
| đánh vần     | 6, 8, 66                                                                           | thanh sắc   | 9                                                                                                                |
| đoạn         | 167                                                                                | tiếng       | 6, 7, 8, 9, 12 - 19, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 31, 32, 34, 36, 38, 41, 42, 44, 46, 48, 52, 54, 56, 58, 66, 68, ... |
| đọc hiểu     | 94, 168                                                                            | từ          | 21, 31, 143                                                                                                      |
| đọc thầm     | 95, 169                                                                            | từ ngữ      | 62, 67, 94, 105, 107, 118, 122, 158, 168                                                                         |
| kể chuyện    | 2, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 104, 114, 124, 134, 144, 154, 164           | văn         | 66, 68, 71, 72, 74, 78, 81, 82, 84, 86, 88, 92, 96, 98, 102, 106, 112, 120, 125, 126, 128, 130, ...              |

# MỤC LỤC

Chào các em  
Kí hiệu dùng trong sách  
Bảng chữ cái

| Bài                          | Trang |
|------------------------------|-------|
| <b>HỌC VẤN</b>               |       |
| Mở đầu                       | 4     |
| 1. a - c                     | 6     |
| 2. cà - cá                   | 8     |
| 3. Kể chuyện Hai con dê      | 10    |
| 4. o - ô                     | 12    |
| 5. cò - cọ                   | 14    |
| 6. ơ - d                     | 16    |
| 7. đ - e                     | 18    |
| 8. Kể chuyện Chồn con đi học | 20    |
| 9. Ôn tập                    | 21    |
| 10. ê - i                    | 22    |
| 11. b - bề                   | 24    |
| 12. g - h                    | 26    |
| 13. i - ia                   | 28    |
| 14. Kể chuyện Hai chú gà con | 30    |
| 15. Ôn tập                   | 31    |
| 16. gh                       | 32    |
| 17. gi - k                   | 34    |
| 18. kh - m                   | 36    |
| 19. n - nh                   | 38    |
| 20. Kể chuyện Đôi bạn        | 40    |
| 21. Ôn tập                   | 41    |
| 22. ng - ngh                 | 42    |

| Bài                              | Trang |
|----------------------------------|-------|
| 23. p - ph                       | 44    |
| 24. qu - r                       | 46    |
| 25. s - x                        | 48    |
| 26. Kể chuyện Kiến và bọ cạp     | 50    |
| 27. Ôn tập                       | 51    |
| 28. t - th                       | 52    |
| 29. tr - ch                      | 54    |
| 30. u - ư                        | 56    |
| 31. ua - ưa                      | 58    |
| 32. Kể chuyện Dê con nghe lời mẹ | 60    |
| 33. Ôn tập                       | 61    |
| 34. v - y                        | 62    |
| 35. Chữ hoa                      | 64    |
| 36. am - ap                      | 66    |
| 37. ăm - ắp                      | 68    |
| 38. Kể chuyện Chú thỏ thông minh | 70    |
| 39. Ôn tập                       | 71    |
| 40. ăm - ập                      | 72    |
| 41. em - ep                      | 74    |
| 42. êm - ếp                      | 76    |
| 43. im - ip                      | 78    |
| 44. Kể chuyện Ba chú lợn con     | 80    |
| 45. Ôn tập                       | 81    |
| 46. iêm - yêm - iệp              | 82    |

# Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Tiếng Việt 1* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Sách dạy học sinh học đọc, học viết và phát triển các kỹ năng nghe, nói tiếng Việt; đồng thời dạy học sinh cách đọc hiểu các sáng tác văn học, văn bản thông tin phù hợp với lứa tuổi.

Nội dung và hình thức trình bày các bài học trong sách hấp dẫn, khơi gợi trí tò mò khoa học, phát huy tính tích cực, khả năng tự học, tự vận dụng những điều đã học vào cuộc sống và bồi dưỡng tình cảm, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tổng Chủ biên cuốn sách là GS.TS Nguyễn Minh Thuyết. Tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong giáo dục tiểu học.

SỬ DỤNG  
TEM CHỐNG GIẢ:

1. Dùng điện thoại quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập vào trang web: <https://canhdiem.monkey.edu.vn>

2. Vào mục hướng dẫn ([canhdiem.monkey.edu.vn/huong-dan](https://canhdiem.monkey.edu.vn/huong-dan)) để xem hướng dẫn kiểm tra sách giả và kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

ISBN: 978-604-309-214-1



9 786043 092141